

Số: 3774 /TB-SGDĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023

THÔNG BÁO
Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông (THPT) Bắc Lương Sơn
Mã chương: 422

Căn cứ Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm (Thông tư số 137/2017/TT-BTC); Quyết định số 554/QĐ-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 137/2017/TT-BTC;

Căn cứ báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Trường THPT Bắc Lương Sơn và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 16/3/2023 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo và Trường THPT Bắc Lương Sơn,

Sở Giáo dục và Đào tạo thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung) của Trường THPT Bắc Lương Sơn như sau:

I. PHẦN SỐ LIỆU

1. Số liệu quyết toán

- a) Thu phí, lệ phí: Không phát sinh.
- b) Quyết toán chi ngân sách
- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 5.934.000 đồng.
 - Dự toán được giao trong năm: 10.827.938.000 đồng, trong đó:
 - + Dự toán giao đầu năm: 9.885.935.000 đồng;
 - + Dự toán bổ sung trong năm: 942.003.000 đồng.
 - Kinh phí thực nhận trong năm: 10.327.038.000 đồng;
 - Kinh phí quyết toán: 10.327.038.000 đồng;
 - Kinh phí huỷ dự toán trong năm: 57.505.000 đồng.
 - Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 449.329.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính: Không phát sinh.

3. Thuyết minh số liệu quyết toán

- Đơn vị thực hiện quyết toán ngân sách theo nhiệm vụ chi theo dự toán được giao;

- Kinh phí quyết toán giảm so với dự toán giao trong năm là 506.834.000 đồng, bao gồm:

+ Kinh phí huỷ dự toán là 57.505.000 đồng, bao gồm: Chi trả hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ; học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật do số học sinh được hưởng chế độ thực tế giảm so với số học sinh dự kiến khi lập dự toán là 49.856.000 đồng; Kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non và học sinh phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội năm học 2021-2022 do ảnh hưởng của dịch Covid-19 thực hiện theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố là 7.515.000 đồng; Kinh phí cải tạo chống cấp là 134.000 đồng;

+ Kinh phí chuyển nguồn sang năm sau là 449.329.000 đồng, bao gồm: Kinh phí mua sắm ngoài định mức là 437.935.000 đồng; Kinh phí cải tạo chống cấp là 11.394.000 đồng.

- Tổng số biên chế có mặt đầu năm 47 người/số biên chế theo chỉ tiêu biên chế được giao 54 người; cuối năm có mặt 46 người.

II. NỘI DUNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

1. Kết quả chênh lệch thu lớn hơn chi trong năm: 2.525.694.415 đồng.
2. Trích lập các Quỹ: 1.990.458.785 đồng.
3. Kinh phí dành thực hiện nguồn cải cách tiền lương: 222.652.000 đồng.

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2b)

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét

a) Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán

Đơn vị nộp báo cáo đảm bảo đúng thời gian quy định.

b) Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán

Đơn vị đã thực hiện in đầy đủ theo quy định.

c) Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

- Về lập dự toán: Đơn vị đã thực hiện lập dự toán ngân sách nhà nước theo quy định;

- Chế độ thu:

+ Đơn vị đã thực hiện thu học phí, dạy thêm học thêm, tiền nước uống. Khoản thu học phí đơn vị đã viết hoá đơn trả cho học sinh theo chế độ quy định;

+ Thu học phí: Năm 2022 đơn vị thực hiện thu học phí 9 tháng trong đó: năm học 2021-2022 thu 5 tháng (Khối 10, khối 11 thu 01 tháng theo hình thức học trực tuyến, 04 tháng theo hình thức học trực tiếp; khối 12 thu 5 tháng theo hình thức học trực tiếp); năm học 2022-2023 thu 4 tháng theo hình thức học trực tiếp.

- Chế độ chi tiêu: Đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ và thực hiện kiểm soát chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước: Đơn vị đã thực hiện tuy nhiên ở một số nội dung chi đơn vị hạch toán chưa đúng theo chế độ quy định (thanh toán tiền dạy thêm giờ, tiền chi hoạt động chuyên môn...);

- Đơn vị chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan theo quy định tại chương XI của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; chưa theo dõi trên sổ kế toán giá trị tài sản là công trình cải tạo xây dựng trường đã đưa vào sử dụng năm 2019, đơn vị báo cáo do chưa được chủ đầu tư (UBND huyện Thạch Thất) cung cấp đầy đủ hồ sơ để làm căn cứ ghi sổ kế toán theo quy định.

Đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc chấp hành chính sách, chế độ của Nhà nước, về tính chính xác, trung thực của thông tin số liệu quyết toán và tính hợp pháp của chứng từ cung cấp cho Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Kiến nghị

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Trường THPT Bắc Lương Sơn:

- Kiểm tra, rà soát việc thanh toán các chế độ đối với cán bộ, giáo viên, lưu đầy đủ hồ sơ liên quan và thực hiện thanh toán theo đúng quy định, trường hợp phát hiện sai sót thì thực hiện điều chỉnh bổ sung trong năm 2023. Đối với chế độ tiền lương dạy thêm giờ đơn vị thực hiện theo đúng chế độ quy định hiện hành, đảm bảo quyền lợi của giáo viên;

- Kiểm tra, rà soát việc thực chế độ đối với học sinh như: Miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí và các chế độ liên quan khác đảm bảo thực hiện đầy đủ đúng chế độ, trường hợp phát hiện sai sót của năm 2022 thực hiện điều chỉnh, bổ sung kịp thời trong năm 2023;

- Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước vào mục đích kinh doanh dịch vụ, liên doanh, liên kết (nếu có) thực hiện đầy đủ theo đúng quy định;

- Thực hiện tính các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động hợp đồng đảm bảo đúng chế độ quy định;

- Thực hiện theo dõi hạch toán các khoản thu, chi phát sinh tại đơn vị kịp thời theo đúng chế độ quy định; hạch toán các khoản chi theo đúng mục lục ngân sách nhà nước quy định;

- Thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan theo quy định tại chương XI của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; thực hiện theo dõi toàn bộ giá trị tài sản của đơn vị trên sổ kế toán đầy đủ theo đúng chế độ quy định;

- Thực hiện công khai:

+ Công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022 sau khi có Thông báo xét duyệt quyết toán của Sở Giáo dục và Đào tạo theo đúng quy định;

+ Thực hiện công tác công khai của đơn vị đảm bảo đầy đủ và đúng các văn bản quy định hiện hành. /lan ✓

Nơi nhận:

- Trường THPT Bắc Lương Sơn;
- Sở Tài chính;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, KHTC. *tb*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Quang Tuấn

[Handwritten signature]

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 3774 /TB-SGDĐT ngày 11/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Bắc Lương Sơn

Chỉ A	Nội dung B	Đơn vị: đồng Số tiền C
	Hoạt động hành chính, sự nghiệp	
01	Doanh thu (01=02+03+04)	10.331.265.488
02	a. Từ NSNN cấp	10.331.265.488
03	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
04	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	
05	Chi phí (05=06+07+08)	8.340.806.703
06	a. Chi phí hoạt động	8.340.806.703
07	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	
08	c. Chi phí hoạt động thu phí	
09	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	1.990.458.785
	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	
10	Doanh thu	1.787.399.244
11	Chi phí	1.265.698.784
12	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	521.700.460
	Hoạt động tài chính	
20	Doanh thu	13.535.170
21	Chi phí	
22	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	13.535.170
	Hoạt động khác	
30	Thu nhập khác	
31	Chi phí khác	
32	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	
40	Chi phí thuế TNDN	
41	Các khoản phải nộp NSNN khác	
50	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	2.525.694.415
51	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	
52	Phân phối cho các quỹ	1.990.458.785
53	Kinh phí cải cách tiền lương	222.652.000

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 3774/TB-SGDĐT ngày 11/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Bắc Lương Sơn

Chương: 422

Nguồn: Ngân sách Tỉnh

Phần I - TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ:

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Nội dung	Trường THPT Bắc Lương Sơn						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC							
	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC							
01	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	5.934.000	5.934.000	5.934.000				
02	<i>Kinh phí thường xuyên/tự chủ (02=03+04)</i>							
03	- Kinh phí đã nhận							
04	- Dự toán còn dư ở Kho bạc							
05	<i>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (05=06+07)</i>	5.934.000	5.934.000	5.934.000				
06	- Kinh phí đã nhận							
07	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	5.934.000	5.934.000	5.934.000				
08	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	10.827.938.000	10.827.938.000	10.827.938.000				
09	<i>- Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	9.576.187.000	9.576.187.000	9.576.187.000				
10	<i>- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	1.251.751.000	1.251.751.000	1.251.751.000				
11	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	10.833.872.000	10.833.872.000	10.833.872.000				
12	<i>- Kinh phí thường xuyên/tự chủ (12=02+09)</i>	9.576.187.000	9.576.187.000	9.576.187.000				
13	<i>- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (13=05+10)</i>	1.257.685.000	1.257.685.000	1.257.685.000				
14	Kinh phí thực nhận trong năm (14=15+16)	10.327.038.000	10.327.038.000	10.327.038.000				
15	<i>- Kinh phí thường xuyên/tự chủ</i>	9.576.187.000	9.576.187.000	9.576.187.000				
16	<i>- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</i>	750.851.000	750.851.000	750.851.000				

Chỉ tiêu	Nội dung	Trường THPT Bắc Lương Sơn						
		Tổng số	Loại: Tổng hợp					
			Tổng loại: Tổng hợp	Khoản: Tổng hợp				
A	B	1	2	3				
17	Kinh phí đề nghị quyết toán (17=18+19)	10.327.038.000	10.327.038.000	10.327.038.000				
18	- Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9.576.187.000	9.576.187.000	9.576.187.000				
19	- Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	750.851.000	750.851.000	750.851.000				
20	Kinh phí giảm trong năm (20=21+25)	57.505.000	57.505.000	57.505.000				
21	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (21= 22+23+24)							
22	- Đã nộp NSNN							
23	- Còn phải nộp NSNN (23=03+15-18-22-31)							
24	- Dự toán bị huỷ (24=04+09-15-32)							
25	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (25=26+27+28)	57.505.000	57.505.000	57.505.000				
26	- Đã nộp NSNN							
27	- Còn phải nộp NSNN (27=06+16-19-26-34)							
28	- Dự toán bị huỷ (28=07+10-16-35)	57.505.000	57.505.000	57.505.000				
29	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (29=30+33)	449.329.000	449.329.000	449.329.000				
30	Kinh phí thường xuyên/tự chủ (30=31+32)							
31	- Kinh phí đã nhận							
32	- Dự toán còn dư ở Kho bạc							
33	Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ (33=34+35)	449.329.000	449.329.000	449.329.000				
34	- Kinh phí đã nhận							
35	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	449.329.000	449.329.000	449.329.000				
	NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ							
36	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang							
37	Dự toán được giao trong năm							
38	Tổng kinh phí đã nhận viện trợ trong năm (38=39+40)							
39	- Số đã ghi thu, ghi tạm ứng							
40	- Số đã ghi thu, ghi chi							
41	Kinh phí được sử dụng trong năm (41= 36+38)							
42	Kinh phí đề nghị quyết toán							
43	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán (43=41-42)							
	NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI							
44	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (44=45+46)							
45	- Kinh phí đã ghi tạm ứng							

SỐ LIỆU XÉT DUYỆT QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH

Mẫu biểu 2c

Năm 2022

(Kèm theo Thông báo xét duyệt quyết toán số 3774/TB-SGDĐT ngày 11/10/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

Đơn vị: Trường THPT Bắc Lương Sơn

Nguồn: Ngân sách Tỉnh

Phần II - CHI TIẾT KINH PHÍ QUYẾT TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Trường THPT Bắc Lương Sơn					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
				Tổng số:	10.327.038.000	10.327.038.000				
				I. Kinh phí thường xuyên/tự chủ	9.576.187.000	9.576.187.000				
		6000		Tiền lương	2.878.959.500	2.878.959.500				
			6001	Lương theo ngạch, bậc	2.716.613.100	2.716.613.100				
			6003	Lương hợp đồng theo chế độ	162.346.400	162.346.400				
		6050		Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	527.868.000	527.868.000				
			6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	190.600.800	190.600.800				
			6099	Tiền công khác	337.267.200	337.267.200				
		6100		Phụ cấp lương	1.924.485.900	1.924.485.900				
			6101	Phụ cấp chức vụ	55.875.200	55.875.200				
			6102	Phụ cấp khu vực	166.284.000	166.284.000				
			6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	8.400.000	8.400.000				
			6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	934.787.700	934.787.700				
			6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo	13.410.000	13.410.000				

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Trường THPT Bắc Lương Sơn					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ	482.968.600	482.968.600				
			6123	Phụ cấp công tác Đảng, Đoàn thể chính trị - xã hội	26.820.000	26.820.000				
			6149	Phụ cấp khác	235.940.400	235.940.400				
		6250		Phúc lợi tập thể	36.167.000	36.167.000				
			6299	Chi khác	36.167.000	36.167.000				
		6300		Các khoản đóng góp	856.146.200	856.146.200				
			6301	Bảo hiểm xã hội	640.633.200	640.633.200				
			6302	Bảo hiểm y tế	129.107.200	129.107.200				
			6303	Kinh phí công đoàn	70.890.000	70.890.000				
			6304	Bảo hiểm thất nghiệp	15.515.800	15.515.800				
		6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	43.600.000	43.600.000				
			6449	Chi khác	43.600.000	43.600.000				
		6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	52.072.215	52.072.215				
			6501	Tiền điện	51.032.215	51.032.215				
			6504	Tiền vệ sinh, môi trường	1.040.000	1.040.000				
		6550		Vật tư văn phòng	85.818.800	85.818.800				
			6551	Văn phòng phẩm	37.645.800	37.645.800				
			6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	1.250.000	1.250.000				
			6553	Khoản văn phòng phẩm	11.200.000	11.200.000				
			6599	Vật tư văn phòng khác	35.723.000	35.723.000				
		6600		Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	45.187.200	45.187.200				

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Trường THPT Bắc Lương Sơn					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường	528.000	528.000				
			6603	Cước phí bưu chính	519.200	519.200				
			6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet,	10.140.000	10.140.000				
			6618	Khoản điện thoại	34.000.000	34.000.000				
		6650		Hội nghị	42.071.700	42.071.700				
			6657	Các khoản thuê mướn khác	30.300.000	30.300.000				
			6699	Chi phí khác	11.771.700	11.771.700				
		6700		Công tác phí	104.055.000	104.055.000				
			6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	49.005.000	49.005.000				
			6702	Phụ cấp công tác phí	34.650.000	34.650.000				
			6704	Khoản công tác phí	20.400.000	20.400.000				
		6750		Chi phí thuê mướn	308.989.600	308.989.600				
			6751	Thuê phương tiện vận chuyển	85.700.000	85.700.000				
			6757	Thuê lao động trong nước	110.100.000	110.100.000				
			6799	Chi phí thuê mướn khác	113.189.600	113.189.600				
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	68.550.000	68.550.000				
			6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	52.430.000	52.430.000				
			6921	Đường điện, cấp thoát nước	16.120.000	16.120.000				
		6950		Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	7.550.000	7.550.000				
			6999	Tài sản và thiết bị khác	7.550.000	7.550.000				

Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Trường THPT Bắc Lương Sơn							
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Viện trợ	Vay nợ nước ngoài	Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	2	3				
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6		
		7000		Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	513.488.600	513.488.600						
			7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	76.317.500	76.317.500						
			7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	27.465.800	27.465.800						
			7049	Chi khác	409.705.300	409.705.300						
		7050		Mua sắm tài sản vô hình	18.274.000	18.274.000						
			7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	18.274.000	18.274.000						
		7750		Chi khác	72.444.500	72.444.500						
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	6.588.000	6.588.000						
			7799	Chi các khoản khác	65.856.500	65.856.500						
		7950		Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	1.990.458.785	1.990.458.785						
			7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ	690.120.000	690.120.000						
			7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	850.338.785	850.338.785						
			7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự	450.000.000	450.000.000						
				II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ	750.851.000	750.851.000						
		6150		Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	114.675.000	114.675.000						
			6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí	1.950.000	1.950.000						
			6199	Các khoản hỗ trợ khác	112.725.000	112.725.000						
		6900		Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	261.472.000	261.472.000						

Loại	Khoản	Mục	Tiêu mục	Nội dung chi	Trường THPT Bắc Lương Sơn					
					Tổng số	Nguồn ngân sách nhà nước			Nguồn phí được khấu trừ, để lại	Nguồn hoạt động khác được để lại
						Ngân sách trong nước	Viện trợ	Vay nợ nước ngoài		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6
			6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ	261.472.000	261.472.000				
		7750		Chi khác	374.704.000	374.704.000				
			7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	374.704.000	374.704.000				